

**TRỤC CỦA RƠ MOỐC VÀ  
NỬA RƠ MOỐC Ô TÔ**

**TCVN  
2161 - 77**

**Kiểu, thông số và kích thước cơ bản**

Оси автомобильных при-  
цепов и полуприцепов  
Типы, основные  
параметры и размеры

Automobile trailers and  
semi-trailers  
Types and basic dimen-  
sions.

**Khuyến khích  
áp dụng**

Tiêu chuẩn này áp dụng cho trục không quay đặt trên rơ moóc và nửa rơ moóc thông dụng.

Tiêu chuẩn này không áp dụng đối với trục rơ moóc chuyên dùng.

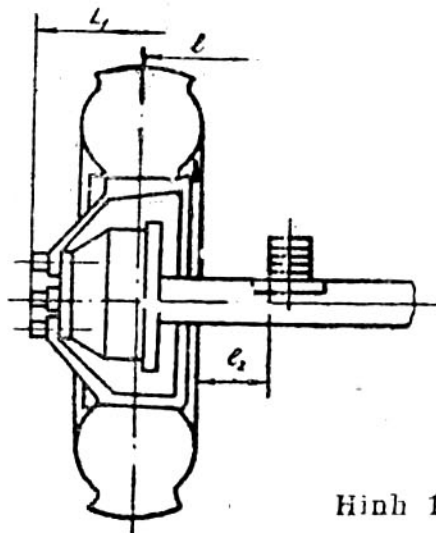
**1. KIỂU**

1.1. Trục rơ moóc và nửa rơ moóc của ô tô cần phải chế tạo theo các kiểu sau:

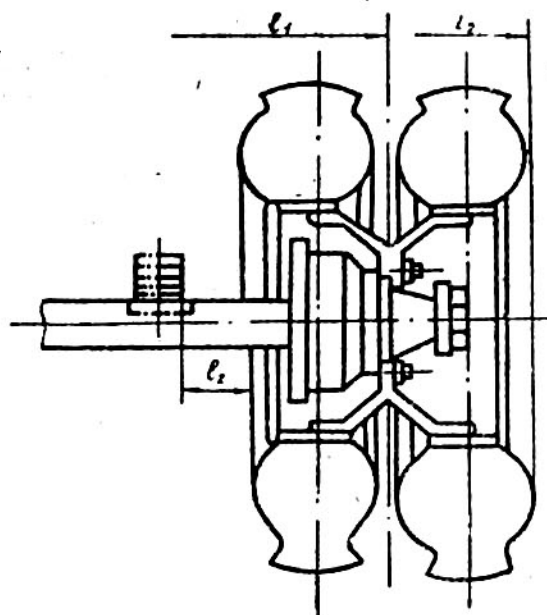
- A — Trục với bánh xe đơn (hình 1)
- B — Trục với các bánh xe kép (hình 2)

**2. THÔNG SỐ VÀ KÍCH THƯỚC CƠ BẢN**

2.1. Thông số và kích thước cơ bản của trục cần phải phù hợp với chỉ dẫn trên hình 1, 2 và trong bảng.



Hình 1



Hình 2

**Chú thích.** Kích thước  $l_2$  được đo từ nhíp đến chi tiết chắn phanh, nếu chi tiết chắn phanh gần nhíp hơn lớp.

Kích thước, mm

Ký hiệu cỡ kích thước	Tải trọng được truyền từ trục qua lớp lên mặt lực, không lớn hơn	l	l <sub>1</sub>	l <sub>2</sub> không lớn hơn	Vít cấy cho bánh đĩa	
		Sai lệch giới hạn $\pm 5$			Số lượng	Đường kính vị trí
A <sub>1</sub>	1,0	1440		30	5	139,70
A <sub>3</sub>	3,0	1700			6	222,25
A <sub>4</sub>	4,0	1800		35	8	275,00
B <sub>4</sub>		—	1800		6	222,25
A <sub>6</sub>	6,0	1970	—	45	10	335,00
B <sub>6</sub>		—	1850		8	275,00
B <sub>10</sub>		10,0	—		1860	10

2.2. Kích thước  $L_1$  và  $L_2$  phải không được lớn hơn chiều rộng choán chỗ của ô tô.

2.3. Sai lệch giới hạn đường kính của vòng tròn tạo bởi vị trí của các vít cấy và kích thước lắp ghép của may ơ đối với bánh đĩa phải phù hợp với bản vẽ tạo đã được xét duyệt theo thủ tục quy định.

2.4. Kích thước lắp ghép của may ơ đối với bánh không phải dạng đĩa phải phù hợp với bản vẽ chế tạo.

Ví dụ: ký hiệu quy ước trục kiểu A với tải trọng 1 tấn lực.

Trục A1 TCVN 2161-77

hay trục kiểu B với tải trọng 6 tấn lực

Trục B6 TCVN 2161-77

---